TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn.

Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2001/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Nhật T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài K, sinh năm 1988.
Địa chỉ thường trú: S đường X, Tổ 7, Khu phố 5, phường T3, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ nơi làm việc: Bệnh viện T1, đường C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Nhật T đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2014 ngày 04 tháng 12 năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có một con chung tên Huỳnh Công T4, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát

sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bị đơn lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, từ giữa năm 2018 đến nay bị đơn cắt đứt mọi liên hệ với nguyên đơn. Nguyên đơn nghe nói thỉnh thoảng bị đơn có về thăm con (đang sống cùng bà ngoại) nhưng gia đình cũng không cung cấp thông tin gì về bị đơn, nguyên đơn cố gắng tìm hiểu thì biết được bị đơn đang làm Điều dưỡng tại Khoa hậu sản – Bệnh viện T1, Quận 1.

Từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn cho đến nay, bị đơn không quan tâm và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, thực tế vợ chồng đã ly thân được hai năm, nguyên đơn sống ở Tiền Giang, còn bị đơn sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nhận thấy quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu giao con chung tên Huỳnh Công T4, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoài K trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2014 ngày 04 tháng 12 năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có một con chung tên Huỳnh Công T4, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, không tìm được tiếng nói chung nên cãi nhau thường xuyên, vợ chồng không cảm thấy hạnh phúc, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Về con chung: Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Công T4, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 do bé hiện đang sống với bị đơn và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Huỳnh Nhật T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoài K.

[2] Kết quả xác minh ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Công an xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xác định bà Nguyễn Thị Hoài K, sinh năm 1988 hiện không còn cư trú tại ấp Nhựt Tân, xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đương sự chuyển đi vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 tại Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Kết quả xác minh ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Công an phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Nguyễn Thị Hoài K, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại đường X, Tổ 7, Khu phố 5, phường T3, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư ngụ tại địa chỉ đăng ký thường trú, chuyển địa chỉ cư trú mới ở đâu không rõ và không thực tế cư trú tại địa phương.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị chuyển vụ án từ Toà án nhân dân Quận 9 đến Toà án nhân dân Quận 1, nội dung đơn thể hiện nguyên đơn lựa chọn Toà án nơi bị đơn làm việc có thẩm quyền giải quyết là Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Tại Công văn số 2556/BVTD-TCCB ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Bệnh viện T1 v/v xác minh thông tin và Công văn số 588/BVTD-TCCB ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Bệnh viện T1 v/v cung cấp thông tin nhân viên xác định bị đơn hiện đang công tác tại Bệnh viện T1; chức danh nghề nghiệp: Hộ sinh hạng III; đơn vị: khoa Phụ - Bệnh viện T1, đường C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Do đó, có cơ sở xác định bị đơn có nơi làm việc tại đường C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Bị đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[8] Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[9] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2014 ngày 04 tháng 12 năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên đương sự hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đề ngày 24 tháng 4 năm 2020; nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn, thể hiện nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[11] Theo văn bản xác nhận ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân xã T2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang ghi nhận nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết

hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T2; về mối quan hệ hôn nhân và hoàn cảnh gia đình Uỷ ban nhân dân xã T2 không nắm rõ vì hai đương sự này không có mặt tại địa phương.

[12] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[13] Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu giao con chung tên Huỳnh Công T4, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng do từ khi con sinh ra cho đến nay, bị đơn là người trực tiếp chăm sóc con. Bị đơn xác nhận trẻ Toại hiện đang sống với bị đơn và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét sự thoả thuận về nuôi con của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về cấp dưỡng cho con, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn xác định việc cấp dưỡng hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Nhật T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Nhật T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoài K.

Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của đương sự về việc giao con chung tên Huỳnh Công T4 (giới tính nam), sinh ngày 13 tháng 6 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Hoài K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Nhật T và bà Nguyễn Thị Hoài K khai không có.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0009276 ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Nhật T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ